

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN XÃ HỘI HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC



# NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA THANH THIẾU NIÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

*Psychological Issues among Adolescents  
in the Contemporary Context*

---

## KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ

*Proceeding of International Conferences*



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

**NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA THANH THIẾU NIÊN  
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

Psychological Issues among Adolescents  
in the Contemporary Context

**KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ**

Proceeding of International Conferences





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN XÃ HỘI HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

**NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA THANH THIẾU NIÊN  
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

Psychological Issues among Adolescents  
in the Contemporary Context

**KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ**

Proceeding of International Conferences

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
Social Sciences Publishing House

## **BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO**

1. PGS.TS. Chu Văn Tuấn (Trưởng ban)
2. PGS.TS. Đặng Thị Hoa
3. PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc
4. PGS.TS. Nguyễn Đức Chiên
5. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa
6. TS. Đỗ Thị Lệ Hằng
7. TS. Mai Văn Hải
8. TS. Lê Minh Thiện

## **HỘI ĐỒNG KHOA HỌC THAM GIA PHẢN BIỆN**

1. PGS.TS. Đặng Thị Hoa
2. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa
3. PGS.TS. Phan Thị Mai Hương
4. TS. Đỗ Thị Lệ Hằng
5. TS. Mai Văn Hải
6. TS. Lê Minh Thiện
7. TS. Nguyễn Thị Chính
8. TS. Lưu Thị Lịch

## **TỔ CHỨC VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO**

1. PGS.TS. Đặng Thị Hoa
2. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa
3. TS. Đỗ Thị Lệ Hằng
4. TS. Nguyễn Phúc Lộc
5. ThS. Hoàng Thị Thanh Huệ
6. ThS. Nguyễn Lam Hoàng

# MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	13
<b>Phần 1</b>	
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ CỦA THANH THIẾU NIÊN</b>	
1. SCHOOL ANXIETY AMONG LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN VIETNAM: THEORETICAL FOUNDATIONS AND DEVELOPING A SUPPORT MODEL <i>Nong Thi Huong Ly, Le Van Hien</i>	19
2. THE IMPACT OF FAMILY ISSUES ON THE MENTAL HEALTH OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HAI DUONG <i>Dong Thi Yen</i>	31
3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI VỚI SỨC KHỎE TÂM LÝ VỊ THÀNH NIÊN <i>Trần Thị Cẩm Nhung</i>	44
4. KỶ VỌNG CỦA CHA MẸ VỀ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI SỰ TỰ CHỦ TRONG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: NHÌN NHẬN TỪ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN <i>Nguyễn Lam Phương, Bùi Kim Long</i>	54
5. KỶ VỌNG VÀ HẠNH PHÚC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ <i>Mai Văn Hải, Lê Văn Hào, Nguyễn Lam Hoàng</i>	65



6. LÒNG TỰ TRỌNG VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ  
*Lê Thị Ngọc Thúy* 79
7. KIẾN THỨC VÀ THÁI ĐỘ CỦA VỊ THÀNH NIÊN Ở MIỀN NÚI ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ SỨC KHỎE TÌNH DỤC  
*Nguyễn Hà Đông* 87
8. QUAN NIỆM VÀ THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÀ NỘI VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC  
*Vũ Thị Cúc* 98
9. ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY SINH VIÊN THA THỨ  
*Lâm Thanh Bình* 111
10. BIỂU HIỆN HÀNH ĐỘNG KHI TRẢI NGHIỆM SỰ THA THỨ CỦA SINH VIÊN  
*Nguyễn Thị Thanh Huyền* 123
11. BIỂU HIỆN THỂ DIỆN QUA CÁC CHIỀU CẠNH CỦA SINH VIÊN - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HÀ NỘI  
*Vũ Quỳnh Châu* 136
12. BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CỦA THANH NIÊN ĐÔ THỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ  
*Trần Nguyệt Minh Thu* 144
13. THỰC TRẠNG CHÁNH NIỆM, CẢM NHẬN HẠNH PHÚC VÀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CHÁNH NIỆM VÀ CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA THANH NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
*Nguyễn Lê Thùy Dung, Đinh Thị Huệ Anh* 158
14. CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA CON ĐÃ TRƯỞNG THÀNH TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM  
*Lê Thị Thu Hiền* 170
15. SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ HẠNH PHÚC CỦA THANH NIÊN  
*Nguyễn Như Trang, Nguyễn Thị Thom* 181

16. ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC THÁI ĐẾN SỨC KHỎE TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI SƠN LA  
*Nguyễn Thị Thu Hiền, Đoàn Thu Hà* 192
17. ẢNH HƯỞNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐẾN SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM  
*Đặng Thị Hoa* 201
18. NHẬN DIỆN TỰ TƯ PHẢN KHÁNG Ở THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM  
*Hoàng Văn Dũng* 214
19. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ VỚI KHÓ KHĂN TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI  
*Trương Thị Hương* 231
20. THỰC TRẠNG SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP MỘT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI HÀ NỘI  
*Cao Thùy Linh* 245

## Phần II

### THỰC TRẠNG NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA THANH THIẾU NIÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

21. EDUCATIONAL BURNOUT AND IMPOSTOR SYNDROME AMONG POLISH UNIVERSITY STUDENTS  
*Klaudia T. Bochniarz, Lila Barbara Ruda* 257
22. SCREENING MENTAL HEALTH ISSUES AMONG FRESHMEN AT A UNIVERSITY  
*Nguyen Thi Thuy Hoa, Nguyen Thi Hai Yen, Trinh Thi Mai* 269

23. THE MODERATING ROLE OF PERSONALITY IN THE RELATIONSHIP BETWEEN FACEBOOK SHARING BEHAVIOR AND LIFE SATISFACTION AMONG YOUTH  
*Nguyen Thi Phuong Hoa* 284
24. IMPACT OF PARENTING STYLES ON THE PSYCHOLOGICAL WELL-BEING OF STUDENTS AT SAI GON UNIVERSITY  
*Minh Thi Lam, Vu Hoang Anh Thu, Le Thi Ngoc Ven* 297
25. SELF-ESTEEM AND MENTAL HEALTH IN HIGH SCHOOL STUDENTS IN HAI DUONG PROVINCE  
*Pham Thi Thu Hoa* 311
26. THE CURRENT SITUATION OF PSYCHOLOGICAL STRESS AND COPING WITH PSYCHOLOGICAL STRESS AMONG LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS PREPARING FOR THE HIGH SCHOOL ENTRANCE EXAMINATION  
*Le Minh Thien* 323
27. ACADEMIC MOTIVATION OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI AND RELATED FACTORS  
*Nguyen Phuc Loc, Hoang Thi Thanh Hue, Rodam Thi Bich Ngoc* 338
28. THE RELATIONSHIP BETWEEN LONELINESS AND PROBLEMATIC SMARTPHONE USE AMONG GENERATION Z YOUTH  
*Đo Thi Le Hang, Cao Phuong Thao* 352
29. NGHIỆN ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH VÀ TRÌ HOÃN HỌC TẬP Ở SINH VIÊN ĐẠI HỌC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
*Trần Thị Thanh Tâm, Lê Thị Kim Thư, Đỗ Ngọc Bích, Trần Huy Minh* 361
30. TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA SINH VIÊN MIỀN NÚI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA  
*Nguyễn Thị Sánh, Nguyễn Thị Châu Bằng* 372

31. ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI KHỦNG HOẢNG CĂN TÍNH CỦA THẾ HỆ GEN Z  
*Nguyễn Thanh Thủy, Đồng Ngọc Vi* 383
32. CẢM NHẬN CỦA THIẾU NIÊN VỀ SỰ CÔNG BẰNG TRONG ỨNG XỬ CỦA BỐ MẸ ĐỐI VỚI CÁC CON: MỘT NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH  
*Phạm Minh Thu, Phạm Thị Hương* 394
33. GIAO TIẾP CHA MẸ - CON VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI CÁC KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA VỊ THÀNH NIÊN  
*Lưu Thị Lịch* 407
34. MỐI LIÊN HỆ GIỮA ĐÁP ỨNG KỶ VỌNG CỦA CHA MẸ, NIỀM TIN VÀO NĂNG LỰC BẢN THÂN VÀ LÒNG TỰ TRỌNG Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
*Lê Văn Hiền, Nông Thị Hương Lý* 420
35. CẢM XÚC CỦA CHA MẸ VỀ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG  
*Hoàng Nhật, Nguyễn Diệp Hà* 432
36. NHẬN DIỆN BỨC TRANH TRẦM CẢM CỦA VỊ THÀNH NIÊN VIỆT NAM: NHÌN TỪ KẾT QUẢ KHẢO SÁT CẤP QUỐC GIA  
*Nguyễn Đức Chiện* 444
37. HỘI CHỨNG TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý Ở TRẺ VỊ THÀNH NIÊN 10 - 17 TUỔI TẠI VIỆT NAM  
*Nguyễn Thị Xuân* 458
38. MỘT SỐ DẤU HIỆU RỐI LOẠN VỀ MẶT CẢM XÚC VÀ THỂ CHẤT Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HÀ NỘI)  
*Hà Thị Minh Khương* 472
39. NHẬN THỨC VỀ STRESS CỦA SINH VIÊN KHÓA 22 TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN  
*Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Phương Thảo,  
Trần Lê Hà My, Lê Thu Hà* 484

40. NĂNG LỰC SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA SINH VIÊN:  
THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CAN THIỆP TẠI HỌC VIỆN  
CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Lê Thị Linh Trang, Nguyễn Thu Hà* 497
41. CĂNG THẲNG HỌC TẬP Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ  
HIỆN NAY  
*Nguyễn Thị Hồng Hạnh* 507
42. THỰC TRẠNG HÀNH VI GÂY HẤN Ở HỌC SINH TRUNG HỌC  
TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ KHU VỰC  
ĐÔNG NAM BỘ: MỘT NGHIÊN CỨU CẮT NGANG  
*Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Huỳnh Yến Nhi,  
Tạ Thiện Vũ, Nguyễn Hoàng Bảo Như, Lưu Thanh Tuấn* 519
43. TÁC ĐỘNG CỦA GÂY HẤN HỌC ĐƯỜNG ĐẾN SỨC KHỎE  
TÂM THẦN CỦA HỌC SINH MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC  
CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Trương Thy Bội, Minh Thị Lâm* 531
44. TÁC ĐỘNG CỦA LÒNG BIẾT ƠN ĐẾN SỰ CÔ ĐƠN CỦA HỌC  
SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ  
*Phạm Minh Thu, Cao Phương Thảo,  
Nguyễn Thị Phương Hoa, Phạm Thị Hương* 548
45. TÁC ĐỘNG CỦA VỐN TÂM LÝ ĐẾN SỰ SẴN SÀNG THAY ĐỔI  
VÀ HÀNH VI LÀM VIỆC ĐỔI MỚI CỦA SINH VIÊN ĐI LÀM  
THÊM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Nguyễn Thị Trường Hân, Nguyễn Đại Uy,  
Mai Trương Ngọc Ngân, Nguyễn Hồng Thanh Nhã* 558
46. ẢNH HƯỞNG CỦA NIỀM TIN VÀO NĂNG LỰC BẢN THÂN  
ĐẾN CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA SINH VIÊN NGÀNH TÂM  
LÝ HỌC HỆ ĐÀO TẠO TỪ XA  
*Lê Thanh Mai, Nguyễn Văn Duy Khánh, Nguyễn Thị Ngọc Giàu* 570

**Phần III****CÁC BIỆN PHÁP CAN THIỆP HỖ TRỢ TÂM LÝ  
CHO THANH THIẾU NIÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

47. INITIAL STEPS IN DEVELOPING A MEASUREMENT TOOL FOR SOME FACTORS INFLUENCING THE INTENTION TO USE DATING APPS AMONG YOUNG ADULTS  
*Nguyen Diep Ha, Nguyen Van Luot* 585
48. RELATIONSHIP BETWEEN ACADEMIC MOTIVATION AND DEPRESSIVE SYMPTOMS AMONG 6TH GRADE STUDENTS: A CROSS-SECTIONAL STUDY AT A LOWER SECONDARY SCHOOL IN HANOI  
*Nguyen Thi Ngan, Han Mai Lam* 602
49. POST-TRAUMATIC STRESS DISORDER OF STUDENTS IN HO CHI MINH CITY AFTER BEING INFECTED WITH COVID-19  
*Minh Thi Lam, Dinh Thi Hong Van, Tran Kim An* 617
50. IMPLICATIONS OF HUMANISTIC-EXISTENTIAL THERAPY IN INTERVENING A CASE OF EXISTENTIAL CRISIS IN ADOLESCENTS  
*Tran Thu Huong, Do Thi Trang* 631
51. THE MODERATING ROLE OF SOCIAL SUPPORT ON THE RELATIONSHIP BETWEEN STRESS MANAGEMENT CAPACITY AND ACADEMIC BURNOUT  
*Minh Thi Lam, Mai Pham Bao Tran, Pham Huu Nghia* 642
52. SUBJECTIVE WELL-BEING OF STUDENTS AT SAIGON UNIVERSITY  
*Nguyen Ngoc Van Anh, Minh Thi Lam* 655

53. LIỆU PHÁP NHẬN THỨC HÀNH VI TRỊ LIỆU CHO TRẺ VỊ  
THÀNH NIÊN CÓ RỐI LOẠN ÁM ẢNH CƯỜNG BỨC: NGHIÊN  
CỨU CA ĐIỂN HÌNH  
*Ngô Thị Minh Tâm, Nông Thị Hương Lý,  
Phạm Thùy Dung, Hoàng Việt Hà* 668
54. TRIỆU CHỨNG TRẦM CẢM DƯỚI NGƯỠNG Ở VỊ THÀNH  
NIÊN TẠI VIỆT NAM  
*Trần Việt Long* 679
55. ẢNH HƯỞNG CỦA HỘI CHỨNG SỢ BỎ LỖ (FOMO) ĐẾN  
SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SÀI GÒN  
*Dương Thị Hà, Tô Kim Ngân, Minh Thị Lâm* 692
56. KHÓ KHĂN TRONG GIAO TIẾP HÀNG NGÀY CỦA SINH VIÊN  
NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC  
QUỐC GIA HÀ NỘI  
*Nguyễn Thị Thắng, Tạ Đức Chí, Trần Thùy Dương,  
Nguyễn Thúy Hiền, Trần Phương Linh, Lê Trang Nhung* 709
57. TIẾP CẬN DỊCH VỤ THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH  
TRUNG HỌC CƠ SỞ  
*Nguyễn Thị Chính, Phạm Thị Phương* 725
58. TIẾP CẬN HỆ THỐNG TRONG KHÓ KHĂN HỌC TẬP: NGHIÊN  
CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH  
*Dương Thị Xuân* 735

## QUAN NIỆM VÀ THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÀ NỘI VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC

Vũ Thị Cúc<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Xâm hại tình dục đối với học sinh đã và đang xảy ra ngay trong trường học. Trong khi nhận thức của các em về xâm hại tình dục còn chưa đồng đều, tỷ lệ học sinh có kiến thức, thái độ đúng về xâm hại tình dục còn thấp, công tác giáo dục kiến thức phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi trung học ở nước ta còn khá hạn chế do những rào cản về văn hóa, kinh tế - xã hội. Nội dung phân tích trong bài viết là một phần trong kết quả khảo sát 500 học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội năm 2024 cho thấy phần đông học sinh tham gia khảo sát cùng chung quan điểm đánh giá về nguy cơ xâm hại tình dục đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng việc tuyên truyền, giáo dục các kiến thức cho học sinh về xâm hại tình dục là việc rất quan trọng bởi vì thái độ và ứng phó của học sinh đối với các hành vi xâm hại tình dục phụ thuộc vào cách nhìn nhận, nhận thức của các em về vấn đề này. Các em có dũng cảm tố cáo và tự bảo vệ bản thân khỏi các hành vi xâm hại tình dục hay không cũng xuất phát từ những quan niệm và cách hiểu của các em. Điều này thực sự quan trọng, quyết định sự thành công của các giải pháp tháo gỡ, phòng ngừa và giảm thiểu tối đa vấn nạn xã hội này, giúp trường học thực sự là nơi an toàn và yên tâm để phụ huynh gửi gắm con em mình.

**Từ khóa:** Học sinh trung học phổ thông; Xâm hại tình dục; Quan niệm và thái độ của học sinh về xâm hại tình dục.

## PERCEPTIONS AND ATTITUDES OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI TOWARD SEXUAL ABUSE

**Abstract:** Sexual abuse against students has occurred and continues to occur within schools. While students' awareness of sexual abuse remains uneven, the proportion of those with accurate knowledge and appropriate attitudes toward the issue is still relatively low. Efforts to provide education on sexual abuse prevention for secondary school students in

---

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.

Vietnam remain limited due to cultural and socio-economic barriers. This article analyzes part of a survey conducted with 500 high school students in Hanoi, revealing that most respondents shared similar perceptions regarding the risks of sexual abuse, particularly for girls and children in vulnerable circumstances. The findings suggest that raising awareness and providing education on sexual abuse is of critical importance. Students' attitudes and responses to acts of sexual abuse depend heavily on their perceptions and understanding of the issue. Whether they have the courage to report abuse and protect themselves is shaped by their beliefs and interpretations. This is a crucial factor in determining the success of any measures aimed at prevention, intervention, and mitigation of this serious social issue, and in ensuring that schools are truly safe and trustworthy environments where parents can confidently send their children.

**Keywords:** High school students; Sexual abuse; Students' perceptions and attitudes toward sexual abuse.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại tình dục cũng như các hình thức bạo lực khác phù hợp với Công ước về Quyền trẻ em (CRC) và Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (OPSC). Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cho rằng, xâm hại tình dục trẻ em thường khó bị phát hiện, đặc biệt là những vụ việc mà thủ phạm là giáo viên, nhân viên nhà trường, đã dẫn đến tâm lý lo lắng, nghi ngờ của phụ huynh về sự an toàn của con mình trong thời gian ở trường (Dương Minh Thuận. 2019; Minh Tú. 2020). Thế nhưng số liệu thống kê loại hình tội phạm này trong các cơ sở giáo dục vẫn chủ yếu là các bài viết, các vụ việc do các cá nhân đưa lên mạng xã hội thì sự việc mới được phát hiện (Thu Phương. 2020). Nhiều trường hợp trẻ em bị xâm hại nhưng chưa được phát hiện kịp thời để xử lý, công tác theo dõi, thống kê số trẻ em bị xâm hại chưa được quan tâm đúng mức nên số vụ việc xâm hại trẻ em nêu trong các báo cáo chưa phản ánh đầy đủ tình hình trẻ em bị xâm hại trên thực tế (Đoàn giám sát Quốc hội khóa XIV, 2020).

Nhận thức của học sinh về xâm hại tình dục còn chưa đồng đều, tỷ lệ học sinh có kiến thức, thái độ đúng về xâm hại tình dục còn thấp (Nguyễn Thị Hoàng Ngân và cộng sự, 2020). Nhiều em còn chưa hiểu biết tốt về những giới hạn trong tiếp xúc cơ thể khi giao tiếp với người khác giới. Kết quả một nghiên cứu thu được, có 48,1% số học sinh tham gia khảo sát đã từng bị người hàng xóm ôm hôn các em ở mức độ thường xuyên và rất thường xuyên; có 33,3% đã từng bị đồng nghiệp của bố mẹ có hành vi gần gũi không phù hợp với các em. Điều đáng quan ngại là các em không phân biệt được giữa các hành vi xâm hại với các hành vi thể hiện tình cảm từ phía người thân của mình (Lê Thị Hoài Lan, Đào Phan Đình Tài. 2019). Nguy hiểm hơn còn là việc các em che giấu sự thật không dám nói ra, nhiều những trường hợp các em giữ bí mật về việc bị xâm hại trong nhiều năm và có

nhieu vụ xâm hại vẫn còn bị che giấu bởi những lý do khác nhau như sợ hãi, e ngại, xấu hổ (UNICEF, 2019). Thậm chí là các em không suy nghĩ đến hoặc không dám tố giác người thực hiện hành vi đó cũng như các em không hình dung được về nguy cơ có thể tiếp tục bị xâm hại trong tương lai nếu không nói ra bởi vì các em còn chưa đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết (Phạm Vũ Minh Trang, 2024).

Trong khi nhiều cha mẹ lại chưa biết cách dạy cho con mình những kỹ năng về bảo vệ bản thân, phòng tránh xâm hại tình dục mà đa số thường theo cách cấm đoán hoặc rất ít khi trao đổi những vấn đề về giới tính, tình dục với con, dẫn đến việc trẻ chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng an toàn cần thiết để bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại (Quỳnh Trang, 2016; Nguyễn Thị Hằng Phương, Lê Mỹ Dung, 2018). Thực tế cũng ghi nhận vẫn còn nhiều trường hợp bố mẹ còn chưa đặt quyền lợi của con mình lên cao nhất và không đấu tranh đến cùng, thậm chí họ còn không dám tố giác kẻ phạm tội vì sợ ảnh hưởng đến tương lai của con (Mai Thị Mai, 2019). Quan điểm của phần đông học sinh còn cho rằng các em không muốn chia sẻ với bố mẹ bởi vì cách giải quyết của bố mẹ chủ yếu là sẽ làm lớn chuyện và khiến các em cảm thấy xấu hổ hoặc bị bạn bè trêu chọc, nên các em chỉ chia sẻ với bố mẹ khi gặp trường hợp nặng. Vì vậy, việc tìm hiểu và phân tích quan niệm và thái độ của học sinh về xâm hại tình dục có thể được coi là những vấn đề then chốt trong việc định hướng và xây dựng các giải pháp, biện pháp giúp học sinh nâng cao nhận thức và các kỹ năng tự bảo vệ bản thân khỏi nguy xâm hại tình dục, xa hơn nữa có thể nghĩ đến việc xây dựng những mô hình trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục phù hợp, một điểm còn khá hạn chế ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

**Khách thể nghiên cứu:** Khảo sát thực hiện đối với 500 học sinh (57,9% học sinh nữ và 42,1% học sinh nam) được lựa chọn ngẫu nhiên tại 2 trường THPT thành phố Hà Nội (1 trường ở ngoại thành (huyện Quốc Oai) và 1 trường ở nội thành (quận Hoàn Kiếm) năm 2024. Tổng mẫu định lượng sử dụng phân tích trong bài viết là 497 (do có 3 phiếu hỏi không hợp lệ).

**Bảng 1. Một số đặc điểm của học sinh tham gia khảo sát (N=497)**

	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Giới tính</b>		
Nam	209	42,1
Nữ	288	57,9
<b>Lớp đang học</b>		
Lớp 10	166	33,4
Lớp 11	165	33,2

	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lớp 12	166	33,4
<b>Khu vực sinh sống</b>		
Thành thị	248	49,9
Nông thôn	249	50,1
<b>Mức sống của gia đình</b>		
Khá giả	84	16,9
Trung bình	413	83,1
<b>Mô hình chung sống của gia đình</b>		
1. Sống với bố, mẹ	448	90,1
2. Đôi khi sống với mẹ, đôi khi sống với bố	10	2,0
3. Sống với mẹ	31	6,2
4. Sống với bố	2	0,4
5. Sống với mẹ và bố dượng	2	0,4
6. Sống với bố và mẹ kế	1	0,2
7. Sống một mình	3	0,6

**Phương pháp nghiên cứu:** Thông tin định lượng được thu thập bằng bảng hỏi trung cầu ý kiến học sinh, nội dung tìm hiểu về sự trải nghiệm, quan niệm, thái độ và ứng phó của học sinh với các hành vi xâm hại tình dục, nội dung trình bày trong bài viết chỉ tập trung phân tích về quan niệm và thái độ của học sinh đối với vấn đề xâm hại tình dục. Thông tin định tính sử dụng phân tích gồm 6 phỏng vấn sâu học sinh và 2 thảo luận nhóm (mỗi nhóm 6 học sinh).

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Quan niệm của học sinh trung học phổ thông về xâm hại tình dục

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khái niệm “xâm hại tình dục” để chỉ các hiện tượng từ nhìn, sờ mó vào các chỗ kín của trẻ cho đến việc dụ dỗ, cho trẻ xem phim khiêu dâm, dụ dỗ trẻ không mặc quần áo và cuối cùng là dâm ô, giao cấu, hiếp dâm với trẻ... đều được định nghĩa là xâm hại tình dục trẻ em (Bộ luật Hình sự 1999). Đến Bộ luật Hình sự 2015, loại tội phạm này đã được nêu chi tiết hơn về dấu hiệu phạm tội cũng như các mức hình phạt tương ứng. Ngay tại chương XIV của Bộ luật quy định 7 điều luật (từ Điều 141 đến Điều 147), trong đó có 5 điều quy định về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em (so với Bộ luật hình sự 2009, tội phạm về xâm hại tình dục trẻ em đã tăng lên 1 điều). Gần đây nhất, tại Luật Trẻ em 2016 cũng quy định cụ thể tại Khoản 8, Điều 4 quy định: “Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ

trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức” (Quốc hội, 2016). Khái niệm “xâm hại tình dục trẻ em” trong nghiên cứu này được vận dụng theo nội dung quy định tại Luật Trẻ em 2016 và được hiểu là những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục gây tổn hại cho trẻ cả về thể chất lẫn tinh thần, điều này không chỉ giới hạn vào các tiếp xúc cơ thể mà còn bao gồm cả những hành vi không tiếp xúc như trình diễn khiêu dâm hoặc cho trẻ trực tiếp chứng kiến việc khiêu dâm. Từ đó khái niệm “xâm hại tình dục đối với học sinh” được hiểu là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ các em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục. Những hành vi này bao gồm cả những hành vi tiếp xúc trực tiếp đến cơ thể và những hành vi không tiếp xúc trực tiếp đến cơ thể của học sinh. Điểm chung là đây đều là những hành vi gây ra những hậu quả tổn hại đối với học sinh cả về thể chất lẫn tinh thần. Đối với học sinh, việc các em thể hiện quan điểm, thái độ của mình với các hành vi xâm hại tình dục là điều hết sức quan trọng để xác định được chính xác rằng các em có thực sự quan tâm đến việc tự bảo vệ bản thân và tự trang bị cho mình các kỹ năng tự bảo vệ cũng như cách phòng tránh khỏi nguy cơ xâm hại tình dục. Kết quả phân tích số liệu trình bày tại bảng dưới cho thấy, học sinh tham gia nghiên cứu có nhận thức khá tốt và có các quan điểm rõ ràng đối với các khía cạnh khác nhau của vấn đề này.

Quan điểm của gần như tất cả học sinh tham gia khảo sát đều khẳng định mức độ nguy hiểm của các hành vi xâm hại tình dục đối với học sinh và nguy cơ dễ xảy ra với học sinh nữ nhiều hơn. Ví dụ 95% số học sinh tham gia đồng ý rằng, *Chỉ có trẻ em gái là nạn nhân của xâm hại tình dục* và 98,2% cho rằng *Trẻ em trai không bị xâm hại tình dục*. Phát hiện của nghiên cứu này cũng tương đồng với một số kết quả nghiên cứu cùng chủ đề chỉ ra rằng, trẻ em gái có nhiều nguy cơ bị xâm hại tình dục hơn so với trẻ em trai và người gây ra các hành vi xâm hại tình dục phần lớn là nam giới (WHO và các cơ quan khác, 2020; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam, 2020). Sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về giới cũng tìm thấy trong quan niệm *Chỉ có trẻ em gái là nạn nhân của xâm hại tình dục* với tỷ lệ cao hơn nghiêng về nhóm học sinh nữ chiếm 96,5% học sinh nam chỉ 92,8% (xem bảng 2). Thông tin thu được từ phỏng vấn sâu cũng cho thấy: “... các bạn vẫn là học sinh nữ, các bạn thường yếu đuối, sợ phản kháng và nhiều cái hấp dẫn về cơ thể hơn nên dễ bị xâm hại hơn...” (PVS học sinh nữ, huyện Quốc Oai).

**Bảng 2. Tỷ lệ học sinh đồng ý với các quan điểm về xâm hại tình dục (%)**

	<b>Chung</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>
1. Chỉ có trẻ em gái là nạn nhân của xâm hại tình dục	95	*	
		92,8	<b>96,5</b>

2. Trẻ em trai không bị xâm hại tình dục	98,2	97,1	99
3. Một số trẻ em bị xâm hại tình dục bởi trẻ lớn hơn	32,4	***	
		44,5	23,6
4. Rất ít trẻ em là nạn nhân của xâm hại tình dục	97,4	95,2	99
5. Xâm hại tình dục chỉ xảy ra với trẻ em trong các gia đình nghèo, địa vị xã hội thấp	95,8	94,3	96,9
6. Trẻ chủ yếu bị xâm hại tình dục khi trẻ đang ở một mình, buổi tối và ở ngoài nhà	46,5	47,8	45,5
7. Phần lớn thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em không phải là người trong gia đình của trẻ	84,3	**	
		79,4	87,8
8. Trong các vụ xâm hại tình dục trẻ em, đứa trẻ không bao giờ phải chịu trách nhiệm	65,8	**	
		70,3	62,5
9. Trẻ em sau khi trình báo là nạn nhân của XHTD không nhất thiết phải có sự chăm sóc, nuôi dưỡng riêng	96,6	**	
		94,3	98,3
10. Phần lớn thủ phạm xâm dụng tình dục trẻ em đều là những người bị bệnh về tâm lý hoặc tâm thần	89,3	89,5	89,2

Ở một khía cạnh khác, phần đông các em cũng cho rằng, xâm hại tình dục thường dễ xảy ra đối với những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và thủ phạm gây ra các hành vi này cũng là những kẻ không bình thường. Từ kết quả phân tích số liệu trình bày tại bảng 2 có thể thấy, tỷ lệ 95,8% học sinh tham gia khảo sát cho rằng *Xâm hại tình dục chỉ xảy ra với trẻ em trong các gia đình nghèo, địa vị xã hội thấp* và 89,3% cho rằng *Phần lớn thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em đều là những người bị bệnh về tâm lý hoặc tâm thần*. Với quan niệm cho rằng kẻ cả nạn nhân và thủ phạm của xâm hại tình dục đều xuất phát từ những nguyên nhân đặc biệt cũng là kết quả được một số các nghiên cứu đưa ra. Ví dụ, theo báo cáo của Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an năm 2016, toàn quốc phát hiện 1.641 vụ xâm hại trẻ em trong đó có 1.248 vụ xâm hại tình dục trẻ em, chiếm 77% tổng số vụ. Nạn nhân bị xâm hại chủ yếu trẻ em gái (1.358 người, chiếm 84%), thậm chí các cháu bị thiếu năng trí tuệ cũng bị xâm hại tình dục (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2017).

Điểm khác biệt cũng được tìm thấy trong nghiên cứu này đó là có 32,4% số học sinh cho rằng *Một số trẻ em bị xâm hại tình dục bởi trẻ lớn hơn* điều này cũng có nghĩa là các em đánh giá được về những nguy cơ bị xâm hại có thể đến từ chính bạn cùng trang lứa chứ không chỉ từ người lớn. Mỗi quan hệ có ý nghĩa thống kê về giới cũng được tìm thấy trong quan niệm này, tỷ lệ học sinh nam đồng ý với quan niệm này chiếm 44,5% cao gần gấp 2 lần so với học sinh nữ. Thậm chí phần đông học sinh còn cho rằng *Trẻ em sau khi trình báo là nạn nhân của XHTD không nhất thiết phải có sự chăm sóc, nuôi dưỡng riêng* với tỷ lệ 96,6%, học sinh nữ vẫn là nhóm có tỷ lệ đồng tình với quan điểm này nhiều hơn

so với học sinh nam. Điều này gợi ra rằng, sự chăm sóc, gần gũi của gia đình đặc biệt quan trọng đối với các em khi không may rơi vào tình huống bị xâm hại. Và điều này cũng tương đồng với sự lựa chọn của đa số học sinh về cách ứng phó sẽ kể cho bố mẹ hoặc người thân trong gia đình nếu bản thân bị rơi vào tình huống bị xâm hại tình dục với tỷ lệ cao nhất đạt 72,8%.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy điểm cần lưu ý đó là khá đông học sinh cho rằng *Phần lớn thủ phạm xâm hại tình dục trẻ em không phải là người trong gia đình của trẻ* với tỷ lệ 84,3%, điều đó chứng tỏ số đông các em còn chưa thực sự cảnh giác đối với các nguy cơ bị xâm hại có thể đến từ chính những người thân trong gia đình, chính sự thiếu hiểu biết này là một trong những nguyên nhân khiến các em có thể rơi vào tình huống bị xâm hại. Minh chứng từ thông tin thu được từ kết quả phân tích số liệu của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (Tổng đài 111) do Cục Trẻ em thực hiện thu được tỷ lệ trẻ em bị người thân trong gia đình xâm hại tình dục chiếm 21,3% trong số các trường hợp xâm hại tình dục trẻ em (trong đó bố đẻ là 5,73%, bố dượng là 5,07%, các đối tượng người thân khác là 10,5%) (Cục Trẻ em. 2020). Thông tin thu được từ phỏng vấn sâu cũng chỉ ra thực tế tương tự, các em vẫn cho rằng nhóm trẻ trong độ tuổi vị thành niên, đang trong giai đoạn dậy thì mới là đối tượng nguy cơ dễ bị xâm hại chứ không phải bất kỳ trẻ em nào cũng gặp nguy cơ này “... thường thì học sinh trong độ tuổi dậy thì là có nhiều nguy cơ, khi đó các em đang phát triển về cơ thể nhưng lại còn bé chưa hiểu biết để phòng tránh nên dễ bị xâm hại...” (PVS học sinh nữ huyện Quốc Oai); một ý kiến khác: “... thường thì là ở lứa tuổi dậy thì dễ bị quấy rối và xâm hại, vì sao thì cháu không rõ vì cháu thì thấy là nhiều trường hợp hay rơi vào độ tuổi đó...” (PVS, học sinh nam quận Hoàn Kiếm). Việc chưa ý thức rõ về những nguy cơ bị xâm hại cũng có thể được lý giải bởi các em vẫn trong độ tuổi mà những phát triển về tâm lý, cơ thể cũng như kinh nghiệm, kỹ năng sống, nhận thức còn hạn chế và chưa thể bằng được những người trưởng thành. Chính vì vậy, vai trò của gia đình, cha mẹ rất quan trọng và khuyến cáo của các tổ chức quốc tế về bảo vệ trẻ em cũng nhấn mạnh rằng cha mẹ cần được cung cấp thông tin cũng như kỹ năng để bảo vệ và giao tiếp hiệu quả với con về các biện pháp can thiệp, phòng ngừa và công cụ dành cho cha mẹ cũng nên bao gồm nội dung về hiểu biết và nhận biết các dấu hiệu lạm dụng tình dục. Cha mẹ và người có trách nhiệm phải được cập nhật về các công cụ và kênh truyền thông dành cho trẻ em vì chúng có thể thay đổi đáng kể hành vi của trẻ hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng của chúng (World Vision, 2014).

Học sinh tham gia nghiên cứu này có nhận thức khá tốt về các hành vi xâm hại tình dục, bởi vậy nên tỷ lệ khá cao số em đồng ý với các quan điểm về mức độ nguy hiểm và các nguy cơ tiềm ẩn đối với học sinh, đặc biệt là với học sinh nữ. Kết quả phân tích số liệu của nghiên cứu cũng thu được rằng, gần như 100% số học sinh tham gia khảo sát hiểu đúng về các hành vi xâm hại tình dục, ví dụ, 99% học sinh hiểu rằng hành vi *Dụ dỗ/lôi kéo/ép buộc trẻ giao hợp hoặc quan hệ tình dục bằng tay/miệng/đồ chơi tình dục...* là một hành vi xâm hại tình dục, hay là 97,6% học sinh hiểu rằng hành vi *Sờ vào vùng kín*

của trẻ em là hành vi xâm hại tình dục, hay *Dụ dỗ/lôi kéo/ép buộc trẻ chụp ảnh/quay phim khi khỏa thân hoặc để lộ một phần cơ thể* (chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của bản thân (qua email, điện thoại, mạng xã hội,...) và hành vi *Chia sẻ hình ảnh nhạy cảm của người khác lên mạng hoặc gửi cho bạn bè/người quen xem* cũng là những hành vi có đến 98% số học sinh tham gia hiểu đúng đó là hành vi xâm hại tình dục. Vì lẽ đó, mà quan điểm của các em về vấn đề này cũng tương đồng với hầu hết quan điểm mà nhà nghiên cứu đã ra như đã phân tích trong bảng trên. Như vậy, kết hợp giữa quan niệm của học sinh về các vấn đề liên quan đến đối tượng, các yếu tố nguy cơ và các tình huống có thể bị xâm hại cùng với thông tin thực tiễn về các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em trong thời gian gần đây cũng gợi ra rằng, việc thực hiện các chiến dịch truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng ngừa và xử lý tình huống bị xâm hại cho học sinh là rất quan trọng và cần thiết hiện nay. Đặc biệt chú trọng đến các kỹ năng thông tin, tố giác, tìm sự trợ giúp và tự bảo vệ mình khỏi các tình huống nguy cơ bị xâm hại xuất phát từ chính quan điểm, nhận thức cá nhân của từng học sinh đối với vấn đề này.

### **3.2. Thái độ của học sinh trung học phổ thông đối với xâm hại tình dục**

Nghiên cứu dành nhiều sự quan tâm, tìm hiểu về thái độ của học sinh đối với xâm hại tình dục thấy rằng bên cạnh nhóm học sinh có thái độ phản kháng gay gắt đối với các hành vi xâm hại tình dục vẫn còn một bộ phận các em còn chưa hoặc không quan tâm nhiều đến vấn đề này.

#### *Sự phản đối gay gắt của học sinh trung học phổ thông đối với xâm hại tình dục*

Theo kết quả phân tích số liệu trình bày tại bảng dưới thấy rằng, đa số học sinh tham gia khảo sát thể hiện sự không đồng tình và phản đối gay gắt các hành vi xâm hại tình dục, thậm chí có 81,1% số học sinh cho rằng, những kẻ xâm hại tình dục trẻ em nên bị đi tù. Giữa học sinh nam và học sinh nữ cũng như học sinh đầu cấp và học sinh cuối cấp cũng cho thấy sự khác biệt trong sự thể hiện thái độ của các em với các hành vi xâm hại tình dục, mức ý nghĩa thống kê được tìm thấy trong gần như tất cả các hành vi, 6/7 hành vi. Học sinh nữ có sự phản ứng gay gắt hơn so với học sinh nam đối với các hành vi xâm hại tình dục, tỷ lệ các phương án lựa chọn của học sinh nữ đều cao hơn học sinh nam trong tất cả nội dung. Tỷ lệ học sinh nữ cho rằng *Quan hệ tình dục giữa người 15 tuổi và cha/mẹ kế của họ vẫn bị coi là phạm tội* chiếm 88,9%, học sinh nam thấp hơn với 72,7%; Hay là 87,8% số học sinh nữ cho rằng *Quan hệ tình dục giữa một đứa trẻ và một người lớn tuổi hơn trẻ có khả năng làm tổn thương đứa trẻ một cách nghiêm trọng* trong khi học sinh nam chỉ có 75,6%. Thậm chí, tỷ lệ học sinh nữ cho rằng *Ngay cả khi một đứa trẻ 14 tuổi tỏ ý muốn quan hệ tình dục với người lớn, người lớn vẫn không có quyền được quan hệ tình dục với trẻ* cũng chiếm đến 85,4%, cao hơn so với học sinh nam đến 11,7 điểm phần trăm (xem bảng 3).

**Bảng 3. Thái độ không đồng tình của học sinh đối với các vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục theo các yếu tố tương quan (%)**

	Chung	Giới tính		Lớp học		
		Nam	Nữ	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1. Kẻ xâm hại tình dục trẻ em nên bị đi tù	81,1	75,6	<b>85,1</b>	<b>83,7</b>	78,2	81,3
2. Quan hệ tình dục giữa một đứa trẻ và một người lớn tuổi hơn trẻ có khả năng làm tổn thương đứa trẻ một cách nghiêm trọng	82,7	***		***		
		75,6	<b>87,8</b>	83,7	76,4	88
3. Trả tiền để được quan hệ tình dục với trẻ em là xâm hại tình dục trẻ em	69,4	***		***		
		57,9	<b>77,8</b>	69,3	61,8	77,1
4. Quan hệ tình dục giữa người 15 tuổi và cha/mẹ kế của họ vẫn bị coi là phạm tội	82,1	***		***		
		72,7	<b>88,9</b>	<b>88</b>	74,5	83,7
5. Ngay cả khi một đứa trẻ 14 tuổi tỏ ý muốn quan hệ tình dục với người lớn, người lớn vẫn không có quyền được quan hệ tình dục với trẻ	80,5	**		**		
		73,7	<b>85,4</b>	<b>86,1</b>	73,3	81,9
6. Ngay cả khi một người để một năm trôi qua mới nói về một vụ việc xâm hại tình dục thì vẫn có thể được pháp luật xử lý, can thiệp	76,3	***		***		
		69,4	<b>81,2</b>	<b>79,5</b>	71,5	77,7
7. Xâm hại tình dục trẻ em phổ biến hơn nhiều so với suy nghĩ của một số người	76,5	***		***		
		66,5	<b>83,7</b>	79,5	66,1	83,7

Mức ý nghĩa thống kê \*  $p < 0,1$ ; \*\*  $p < 0,05$ ; \*\*\*  $p < 0,001$ .

Thái độ của các em đối với những câu hỏi liên quan đến thủ phạm của các hành vi xâm hại tình dục cũng rất gay gắt: “... những người đó là những người bệnh hoạn, ghê tởm... những người có đầu óc bệnh hoạn, thèm khát quan hệ tình dục quá thì người ta hay gây ra hành vi xâm hại tình dục...” (PVS học sinh nam, thành thị). Thậm chí các em còn cho rằng: “... đó là những người biến thái, có vấn đề về tâm lý, người bình thường nhưng do người ta tiếp xúc với tình dục quá mức thì sinh ra ham muốn quá mức... có thể là nam giới nhiều hơn vì người ta có nhu cầu ham muốn cao hơn nên có thể họ sẽ là người gây ra cao hơn...” (thảo luận nhóm học sinh nam, quận Hoàn Kiếm). Có thể thấy rằng đối với đa số học sinh tham gia khảo sát thì xâm hại tình dục là hành động làm tổn thương nghiêm

trọng đối với trẻ em, dù ở hoàn cảnh nào, độ tuổi nào, dù là trẻ em được trả tiền quan hệ tình dục hay thậm chí vụ việc đã trôi qua lâu về thời gian thì đây vẫn bị coi là hành động vi phạm pháp luật, cần lên án và phải được pháp luật xử lý, can thiệp.

*Thái độ không quan tâm của học sinh đối với các vấn đề xâm hại tình dục*

Bên cạnh nhóm học sinh có thái độ tích cực hay nói cách khác, các em thể hiện rõ ràng sự phản kháng gay gắt đối với các hành vi xâm hại tình dục thì vẫn còn tỷ lệ nhất định học sinh còn chưa quan tâm, coi đó là những hành vi không gây tổn hại gì đến trẻ em hoặc thậm chí còn ủng hộ trong một số tình huống. Ví dụ, có 20,1% cho rằng Đôi khi trẻ em nói rằng chúng bị quấy rối tình dục để thu hút sự chú ý hoặc để trả đũa ai đó, hoặc 28,2% cho rằng *Nhiều đứa trẻ muốn quan hệ tình dục tiếp sau khi chúng đã thử một lần*, thậm chí nguy hiểm hơn nữa là vẫn có đến 9,5% số học sinh cho rằng *Tình dục với trẻ em tương đối vô hại* (xem bảng 4).

**Bảng 4. Sự không quan tâm của học sinh đối với các vấn đề xâm hại tình dục theo các yếu tố tương quan (%)**

	Chung	Giới tính		Lớp học		
		Nam	Nữ	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1. Trẻ em và người lớn tuổi hơn có thể quan hệ tình dục với nhau nếu cả hai đều muốn	4,8	6,2	3,8	3	3,6	7,8
2. Trẻ em đôi khi cố gắng khuyến khích người lớn tuổi hơn quan hệ tình dục với chúng	7,8	**		*		
		9,1	6,9	6	10,9	6,6
3. Dạy trẻ về giới tính bằng cách chạm vào bộ phận sinh dục của trẻ không có gì sai	5,4			**		
		7,2	4,2	3,6	7,3	5,4
4. Nhiều đứa trẻ muốn quan hệ tình dục tiếp sau khi chúng đã thử một lần	28,2			**		
		30,1	26,7	23,5	24,8	36,1
5. Một số trẻ em 13 tuổi trưởng thành đến mức không có gì sai khi chúng quan hệ tình dục với người lớn	7,8	**		***		
		9,6	6,6	3	10,3	10,2
6. Đôi khi trẻ em nói rằng chúng bị quấy rối tình dục để thu hút sự chú ý hoặc để trả đũa ai đó	20,1	**				
		20,6	19,8	20,5	20	19,9
7. Tình dục với trẻ em tương đối vô hại	9,5	7,7	10,8	10,2	8,5	9,6

Mức ý nghĩa thống kê \* p<0,1; \*\* p<0,05; \*\*\*p<0,001.

Phân tích tương quan về thái độ của học sinh với các hành vi xâm hại tình dục theo một số yếu tố cũng cho thấy sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ; giữa học sinh đầu cấp và học sinh cuối cấp trong thái độ của các em đối với một số tình huống cụ thể. Dường như, học sinh nam có vẻ chủ quan và chưa quan tâm nhiều đến sự nghiêm trọng của các hành vi xâm hại tình dục hơn so với học sinh nữ, có thể vì các em ít nguy cơ là nạn nhân hơn so với các em nữ. Số liệu phân tích cho thấy, tỷ lệ học sinh nam đều cao hơn so với học sinh nữ trong tất cả các nội dung, có 20,6% học sinh nam cho rằng đôi khi trẻ em nói rằng chúng bị quấy rối tình dục để thu hút sự chú ý hoặc để trả đũa ai đó, học sinh nữ thấp hơn chỉ 19,8%. Thậm chí có đến 9,6% học sinh nam cho rằng trẻ em 13 tuổi trưởng thành không có gì sai khi chúng quan hệ tình dục với người lớn và tỷ lệ này cao hơn 3 điểm phần trăm so với học sinh nữ. Hoặc tỷ lệ học sinh nam cho rằng Trẻ em đôi khi cố gắng khuyến khích người lớn tuổi hơn quan hệ tình dục cũng đạt 9,1% trong khi học sinh nữ thấp hơn chỉ có 6,9%.

Giữa học sinh đầu cấp và học sinh cuối cấp cũng có thái độ khác nhau đối với xâm hại tình dục, học sinh cuối cấp là nhóm ít quan tâm và cũng có thái độ lơ là hơn so với học sinh đầu cấp. Ví dụ, có đến 10,2% số học sinh lớp 12 tỏ rõ thái độ cho rằng trẻ em 13 tuổi trưởng thành đến mức không có gì sai khi chúng quan hệ tình dục với người lớn cao gấp 3 lần so với học sinh đầu cấp chỉ có 3%; Hay trong quan niệm cho rằng trẻ em đôi khi cố gắng khuyến khích người lớn tuổi hơn quan hệ tình dục cũng có đến 7,8% số học sinh cuối cấp đồng ý và cũng cao gần 3 lần so với học sinh đầu cấp chỉ có 3%. Thông tin thu được phỏng vấn sâu cũng cho thấy “... nhà trường thì quan tâm đến hoạt động phòng chống xâm hại tình dục nhưng các bạn nhiều khi không quan tâm, chủ quan và không để ý nên là cũng khó...” (PVS nam học sinh lớp 11 ở thành thị).

Như vậy, nhóm học sinh nam và học sinh cuối cấp là hai nhóm còn chưa quan tâm nhiều về vấn đề xâm hại tình dục so với nhóm học sinh nữ và học sinh đầu cấp, thể hiện qua việc lựa chọn các phương án đồng tình cũng như phản kháng của các em đều thấp hơn. Lý giải điều này được tìm thấy từ sự chia sẻ của các em phỏng vấn sâu: «... ở tư tưởng thì Việt Nam mình cho rằng nam giới giữ được bình tĩnh, có sức khỏe có khả năng bảo vệ bản thân hơn còn con gái thì chân yếu tay mềm nên là ít khi tự bảo vệ được bản thân hơn so với các bạn nam, nên là các bạn nam thường ít quan tâm đến vấn đề này hơn các bạn nữ...” (PVS học sinh nam thành thị). Một điểm nữa, khi các em chưa rơi vào hoàn cảnh bị xâm hại nên các em cũng dễ có tâm lý chủ quan và không quan tâm nhiều đến vấn đề này: “... các bạn nhiều khi không quan tâm, chủ quan và không để ý...” (PVS học sinh nữ, nông thôn). Vì vậy, chúng tôi cũng cho rằng, nhóm học sinh nam, học sinh cuối cấp lớp 12 là hai nhóm cần được lưu ý trong các chương trình giáo dục, truyền thông cho học sinh về xâm hại tình dục bởi vì nhiều tài liệu nghiên cứu đã nêu ra nhận định rằng, trẻ em nam cũng là nhóm bị xâm hại tình dục nhiều nhưng còn chưa được quan tâm, nghiên cứu hiện nay.

#### 4. Kết luận

Như vậy, nghiên cứu về quan niệm và thái độ của học sinh đối với vấn nạn xâm hại tình dục hiện nay cho thấy hai nhóm quan điểm và thái độ đang tồn tại cùng nhau, bên cạnh nhóm học sinh quan tâm nghiêm túc và có thái độ phản đối gay gắt, bức xúc vẫn còn một bộ phận các em còn chưa thực sự quan tâm đến những nguy cơ và hậu quả của vấn đề này. Nghiên cứu này gợi ý rằng, cần có sự phối hợp, liên hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và chính bản thân học sinh trong các chương trình, hoạt động nâng cao kỹ năng ứng phó với các hành vi xâm hại tình dục. Đặc biệt là nâng cao nhận thức cho học sinh về các quy định pháp luật và các hành lang bảo vệ để các em yên tâm và dám đứng ra tố cáo nếu bản thân mình hoặc bạn bè của mình bị xâm hại tình dục. Việc các em có nhận thức đúng sẽ quyết định việc các em có quan điểm và thái độ hành động đúng đắn, nghiêm túc trong các hoạt động phòng, tránh xâm hại tình dục. Hơn hết cũng cần thực hiện nhiều hơn những nghiên cứu xã hội học chuyên sâu về xâm hại tình dục đối với học sinh từng cấp học để từ đó xây dựng giải pháp hữu hiệu hơn, thực tế các nghiên cứu hiện nay đều gộp chung nhóm đối tượng trẻ em chứ chưa có sự bóc tách theo từng nhóm tuổi, bởi đối với mỗi nhóm tuổi các em có sự phát triển về thể chất, quan hệ xã hội và mức độ quan tâm cũng như chăm sóc từ phía gia đình và nhà trường là khác nhau.

#### Tài liệu tham khảo

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020), Báo cáo điều tra Quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, UNICEF (2008), *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.

Cục Trẻ em (2020). “Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em trong công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình”. Tham luận trình bày tại Hội thảo *Phòng chống bạo lực và xâm hại trẻ em trong gia đình*, Hà Nội, ngày 03/01/2020.

Dương Minh Thuận (2019), ”Xâm hại tình dục trẻ em trong trường học. Nhìn từ khung lý thuyết về mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa thầy và trò”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, quyển 29, tr.59-71.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2017), Báo cáo *Việc chấp hành quy định pháp luật về phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ năm 2014 đến 2/2017*. Báo cáo trình Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

Lê Thị Hoài Lan, Đào Phan Đình Tài (2019), “Biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục bảo vệ an toàn thân thể cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai”, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Đồng Nai, số 13/2019, tr.1-8.

Mai Thị Mai (2019), “Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em”, Tạp chí *Giáo dục số đặc biệt*, tháng 10/2019, tr.320-324.

Minh Tú (2020), “Mỗi ngày trung bình có 7 trẻ em bị xâm hại tại Việt Nam”. Bài viết đăng tại trang web <http://kiemsat.vn>, ngày 27/05/2020.

Nguyễn Thị Hằng Phương, Lê Mỹ Dung, “Nhận thức của phụ huynh đối với nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em (nghiên cứu nhóm phụ huynh lớp 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Đà Nẵng)”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ sau Đại học Đà Nẵng*, số 8 (129), tr.14-18.

Phạm Vũ Minh Trang (2024), “Đặc điểm tâm lý của người bị hại là người dưới 16 tuổi trong giai đoạn xét xử các vụ án xâm hại tình dục trẻ em”, Tạp chí *Khoa học kiểm sát*, số 07/2024, tr.35-41.

Quỳnh Trang (2016), “Vì sao học sinh Việt Nam không dám tố xâm hại tình dục”. Bài viết đăng trên trang <https://vnexpress.net>.

UNICEF (2019), “*Child Sexual Abuse: Recommended Reforms*”, truy cập ngày 15/4/2021, từ <https://thuvienso.quochoi.vn>,

World Vision Viet Nam (2014). *Sex, Abuse and Childhood. A study about knowledge, attitudes and practices relating to child sexual abuse, including in travel and tourism, in Cambodia, Lao PDR, Thailand and Vietnam* do World Vision thực hiện tại Campuchia, Lao, Thái Lan và Việt Nam, 2014.

ISBN: 978-632-607-373-7



9 786326 073737

Giá: 350.000đ